TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2022/DS-PT
Ngày: 28-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số số 335/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc " tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản" do Bản án Dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 346/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH Đ**; địa chỉ: xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Trường H** - Giám đốc – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Ư**- Luật sư của Công ty TNHH MTV Bảo Pháp- thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh –có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Duy Kh**, sinh năm 1982; địa chỉ: xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Khương: Bà **Phạm Thị Kim N** sinh năm 1982; Địa chỉ: xã G, huyện O, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người kháng cáo: ông Trần Duy Kh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Trường H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/4/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (gọi tắt là Công ty TNHH Đ) mua trúng đấu giá tài sản là quyền khai thác mủ cao su năm 2021 và năm 2022 tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên, địa điểm khai thác tại các Nông trường cao su Tân Hiệp, Nông trường cao su Bổ Túc và Nông Trường cao su Suối Ngô trực thuộc Công ty cổ phần cao su Tân Biên.

Ngày 04/5/2021, Công Ty cổ phần cao su Tân Biên đã bàn giao toàn bộ lô cao su tại các nông trường trong đó có Nông Trường cao su Bổ Túc cho Công ty Đăng Quang quản lý khai thác.

Ngày 04/6/2021, ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ nhượng lại quyền khai thác mủ cao su cho ông Trần Duy Kh, sinh năm 1982 một lô cao su tại Nông trường cao su Bổ Túc thuộc Công ty cổ phần cao su Tân Biên có diện tích 52 ha (thuộc lô N61 và N62) với số tiền 57.000.000 đồng/ha, tổng giá trị là 2.964.000.000 đồng để khai thác mủ; phương thức thanh toán thỏa thuận cụ thể như sau:

- Đợt 1: Thanh toán 100.000.000 đồng.

- Đợt 2: Ngày 04/8/2021, thanh toán 200.000.000 đồng. Nhưng do tình hình dịch nên tháng 8 không có giao 200.000.000 đồng.

Ông Kh không giao mủ từ tháng 8 và đến tháng 9 có giao mủ nhưng ông Kh không có giao đủ sản lượng, mà bán mủ ra ngoài.

- Số tiền còn lại 2.664.000.000 đồng trừ vào tiền mủ 70% cho đến hết; thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/5/2021 đến 31/12/2022 kết thúc hợp đồng. Hai bên thỏa thuận phía Công ty Đăng Quang giữ 70% còn phía ông Trần Duy Kh được hưởng 30% trên tổng sản lượng mủ nước, mủ dây, mủ tạp khai thác được trong kỳ. Ông Trần Duy Kh phải có trách nhiệm khai thác và giao mủ cho Công ty TNHH Đ không được phép bán mủ cao su khai thác ra bên ngoài. Nhưng từ khi khai thác mủ ông Trần Duy Kh không thực hiện đúng theo hợp đồng; không thanh toán tiền đúng thời hạn theo hợp đồng; tự ý lén lút lấy mủ khai thác bán bên ngoài chiếm đoạt số lượng mủ của Công ty TNHH Đ từ ngày 01/5/2021 cho đến nay, thiệt hại của Công ty TNHH Đ tổng số tiền 448.297.000 đồng.

Ngoài ra, ông Trần Duy Kh tự ý bán quyền khai thác mủ cho người khác để lấy tiền mà chưa có sự đồng ý của Công ty TNHH Đ. Nay, Công ty TNHH Đ yêu cầu như sau:

Hủy hợp đồng nhượng lại quyền khai thác mủ cao su ngày 04/6/2021, giữa Công ty TNHH Đ do ông Lê Trường H ký kết với ông Trần Duy Kh. Do ông Trần Duy Kh vi phạm hợp đồng đã ký với Công ty TNHH Đ.

Buộc ông Trần Duy Kh trả lại số tiền 400.000.000 đồng cho Công ty TNHH Đ. Trong đó, số tiền 200.000.000 đồng là tiền thanh toán đợt 2 và 200.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2021 của bị đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Phạm Thị Kim N trình bày:

Vào ngày 04/6/2021, ông Kh có ký hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao su (thuê vườn) với ông Lê Trường H, nhưng thực tế ông Kh và ông H thỏa thuận miệng với nhau từ tháng 5/2021 thì ông Kh bắt đầu khai thác mủ cao su tại vườn của ông H vào ngày 11/5/2021, đến ngày 04/6/2021 hai bên mới chính thức ký kết hợp đồng với nhau. Hợp đồng vẫn thực hiện bình thường cho đến sau khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 10/12/2021 vào ngày 11/12/2021 ông Kh bị bắt buộc tạm dừng khai thác mủ cao su tại vườn cao su đã thuê của ông H.

Đối với việc khởi kiện của Công ty TNHH Đ thì ông Kh không có ký bất kỳ hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao su nào, cũng không có bất kỳ hợp đồng nào thuê khoán gì với Công ty Đăng Quang. Việc ông Kh ký hợp đồng là ký giữa cá nhân ông Kh với cá nhân ông H. Hợp đồng giữa ông Kh và ông H không liên quan đến pháp nhân là Công ty Đăng Quang.

Còn việc Công ty TNHH Đ có ký hợp đồng với công ty nào khác về quyền khai thác mủ cao su tại vường cao su ông Kh đang nhượng quyền khai thác của ông H hay không thì ông Kh không biết, ông Kh chỉ nghe nói là vườn cao su này của ông H, ông không cho thuê (nhượng quyền khai thác) thì ông Kh đồng ý hợp tác.

Vì vậy, Công ty TNHH Đ khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và bồi thường thiệt hại thì ông Kh không đồng ý, vì giữa ông Kh và Công ty TNHH Đ không có bất kỳ giao dịch nào. Ông Kh yêu cầu tuyên bố hợp đồng hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao su (thuê vườn) giữa ông Kh với ông Lê Trường H ngày 04/6/2021 là vô hiệu. Yêu cầu ông H trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã nhận của ông Kh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Phạm Thị M trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Duy Kh, thống nhất theo ý kiến của ông Kh. Không trình bày ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 131, 134, 142 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đối với ông Trần Duy Kh về tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản.

Tuyên bố hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao su ngày 04/6/2021 giữa ông Lê Trường H với ông Trần Duy Kh vô hiệu.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ trả cho ông Trần Duy Kh số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ông Trần Duy Kh trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ quyền khai thác tổng diện tích đất 520.500 m^2 gồm:

- 01 phần đất diện tích 251.700 m^2 (25,17 ha), lô N61, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 3 do Công ty Cổ phần cao su Tân Biên đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại: Ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh có tứ cận: hướng Đông giáp đường đất; hướng Tây giáp đất trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; hướng Nam giáp đường đất; hướng Bắc giáp đất trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên. Trên đất có trồng cây cao su, giống cây GT1, trồng năm 1993.

- 01 phần đất diện tích 268.800 m^2 (26,88 ha), lô N62, thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 3 do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại: Ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh có tứ cận: hướng Đông giáp đất trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; hướng Tây giáp đường đất; hướng Nam giáp đất của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; hướng Bắc giáp đất của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên. Trên đất có trồng cây cao su, giống cây PB235, trồng năm 1993.

Theo bản đồ địa chính mới thì 02 phần đất trên nằm trong tổng diện tích đất 268.556,5 m^2, thửa số 5, tờ bản đồ số 6 và 265.539,8 m^2, thửa số 7, tờ bản đồ số 6.

Ông Trần Duy Kh có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo đề ngày 19 tháng 9 năm 2022 của anh Trần Duy Kh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện của bị bơn trình bày: Bị đơn kháng cáo không đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH Đ với lý do: Ông Kh không có ký hợp đồng với Công ty TNHH Đ, chỉ ký hợp đồng với ông H và hoàn toàn không biết ông H là Giám đốc của Công ty TNHH Đ. Việc ông H vượt thẩm quyền ký kết với ông Kh dẫn đến hợp đồng vô hiệu đã gây thiệt hại cho ông Kh. Quá trình khai thác và bán mủ cho ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc Công ty TNHH Đ là người mua mủ của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm với yêu cầu không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Đ và cũng không yêu cầu Công ty TNHH Đ trả lại tiền cọc 100.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Đ trình bày: Trước khi ký kết hợp đồng ông H đại diện Công ty TNHH Đ đã bàn giao vườn cao su cho ông Kh tiến hành các điều kiện cần thiết cho việc khai thác mủ và ông Khuong đã biết rõ nguồn gốc cao su anh thuê lại của ông H là của Công ty cổ phần cao su Tân Biên bán đấu giá cho công ty của ông H. Quá trình hoạt động của Công ty TNHH Đ tại địa phương ai cũng biết, trong đó có ông Kh. Khi thu mua mủ có xe bồn của Công ty TNHH Đ đến vườn để nhận mủ, nên việc ông H đứng với cách cá nhân hay Công ty TNHH Đ đều là một, không thể có sự nhầm lẫn về đối tượng. Khi ông Kh đã vi phạm nội dung hợp đồng thì Công ty TNHH Đ có quyền khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ giữa ông Lê Trường H đối với ông Trần Duy Kh.

Việc vi phạm hợp đồng được thể hiện ông Kh bán không hết lượng mủ khai thác cho Công ty TNHH Đ, cụ thể là khối lượng mủ giảm dần đến mức dưới 50% lượng mủ khai thác bình thường; ông H có chứng cứ chứng minh việc anh Khương bán mủ ra bên ngoài và vợ chồng anh Khương đã tự ý bán lại vườn cho người khác khai thác mủ mà không thông qua ý kiến của ông H hoặc Công ty TNHH Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng, việc anh Hải là giám đốc Công ty TNHH Đ, đã lấy tư cách cá nhân để ký hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ đối với anh Khương nhưng là tài sản thuộc Công ty TNHH Đ và ông H là giám đốc, người có quyền quyết định nên căn cứ vào các Điều 134, 142, 143 Bộ luật dân sự ông H ký kết hợp đồng với ông Kh là không vượt thẩm quyền; Quá trình khai thác mủ vợ, chồng ông Kh đã tự ý bán mủ và bán lại vườn cho người khác mà không được sự đồng ý của ông H hoặc Công ty TNHH Đ là vi phạm hợp đồng đã ký kết; đối với số tiền 100.000.000 đồng ông Kh đã trả cho ông H, đây là khoản tiền trả trước của hợp đồng, và ông Kh cũng đã nhận vườn cao su để khai thác nên không xem là tiền đặt cọc, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH Đ trả ông Kh khoản tiền 100.000.000 đồng là không đúng, đề nghị cấp phúc thẩm khắc phục; đối với diện tích cao su Công ty TNHH Đ đã nhận lại khai thác, nên ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về nội dung và án phí theo quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với ông Trần Duy Kh; buộc ông Trần Duy Kh bồi thường cho Công ty TNHH Đ số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm ngày 07-9-2022 anh Trần Duy Kh có đơn kháng cáo ngày 19-9-2022; có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Xét thấy việc kháng cáo là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Việc bị đơn yêu cầu đưa ông Lê Trường H tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Xét thấy hiện ông H là giám đốc Công ty TNHH Đ với hai thành viên gồm ông H và vợ là Nguyễn Ngọc Thùy Trang. Quá trình ký kết hợp đồng mua đấu giá với Công ty cổ phần cao su Tân Biên và việc ký hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao với anh Trần Duy Kh chị Trang đều biết và thống nhất với việc làm của ông H (vì thuộc lĩnh vực ông H phụ trách), không có việc tranh chấp thẩm quyền giữa các thành viên trong công ty. Ông H đã đứng đại diện cho Công ty TNHH Đ khởi kiện anh Trần Duy Kh và tham gia tố tụng suốt quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo. Nên bị đơn yêu cầu ông H phải tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không cần thiết.

Xét tư cách khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với anh Trần Duy Kh thấy rằng: Ông Lê Trường H là giám đốc cũng là người trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm việc ký kết các hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng với anh Trần Duy Kh với tư cách cá nhân, nhưng diện tích cao su là do ông H với tư cách Giám đốc Công ty TNHH Đ ký với Công ty cổ phần cao su Tân Biên và anh Khương cũng biết nguồn gốc cao su mà anh nhận quyền khai thác từ ông H là của Công ty cổ phần cao su Tân Biên bán lại cho Công ty TNHH Đ. căn cứ vào các Điều 134, 142, 143 Bộ luật dân sự tuy ông H lấy tư cách cá nhân để ký hợp đồng với anh Khương, nhưng thực chất là của Công ty TNHH Đ. Mặt khác giữa các thành viên của Công ty TNHH Đ không có tranh chấp, mà việc Công ty TNHH Đ khởi kiện anh Khương là do anh Khương vi phạm nội dung hợp đồng nhượng lại quyền khai thác mủ cao su lập ngày 04-6-2021. Nên Công ty TNHH Đ khởi kiện anh Khương là không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Xét về tố tụng của bản án số 90/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh có nhiều sai sót trong nhận định và phần quyết định của bản án. Tuy nhiên có thể xem xét điều chỉnh được ở cấp phúc thẩm.

[3] Xét nội kháng cáo của các bên đương sự:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H có làm đơn kháng cáo gửi tại Tòa án sơ thẩm, nhưng không có nộp tiền tạm ứng án phí và thể hiện tại biên bản làm việc ngày 06-10-2022, ông H tự nguyện rút lại yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H đại diện Công ty TNHH Đ trình bày là không có kháng cáo.

- Xét kháng cáo của anh Trần Duy Kh:

Xét hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao su được lập ngày 04-6-2021 giữa ông Lê Trường H và anh Trần Duy Kh. Mặc dù ông H lấy tư cách cá nhân để ký kết nhưng ông H đang là giám đốc của Công ty TNHH Đ, cao su nhượng quyền cho anh Khương khai thác mủ thuộc quyền của Công ty TNHH Đ do ông H là người quản lý điều hành, không có sự tranh chấp giữa các thành viên trong công ty. Khi anh Khương vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H cũng là quyền lợi của Công ty TNHH Đ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ông H lấy tư cách cá nhân để ký kết hợp đồng với anh Khương và giao tài sản của công ty cho anh Khương là vượt quyền nên tuyên bố hợp đồng được lập ngày 04-6-2021 giữa ông Lê Trường H và anh Trần Duy Kh vô hiệu là không đúng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH Đ trả lại anh Khương số tiền 100.000.000 đồng là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Khương cũng không yêu cầu Công ty TNHH Đ phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng, nên không đặt ra xem xét.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, thì anh Khương có nhiều vi phạm như tự ý bán mủ ra bên ngoài, tự ý nhượng quyền khai thác mủ cho người khác mà không thông báo cho anh Hải cũng như Công ty TNHH Đ; Việc giao mủ của anh Khương không đảm bảo số lượng và giảm dần so với thời gian đầu khi thực hiện hợp đồng. Từ đó việc Công ty TNHH Đ khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng

nhượng quyền khai thác mủ lập ngày 04-6-2021 và buộc anh Khương giao trả lại vườn cao su là có căn cứ chấp nhận. Hiện tại Công ty TNHH Đ đã nhận lại 02 lô cao su (N61, N62) để khai thác từ mùa vụ 2022, nên không đặt ra giải quyết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Khương có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH Đ số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Việc anh Khương kháng cáo cho rằng Công ty TNHH Đ khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ lập ngày 04-6-2021 gây thiệt hại cho anh là không có căn cứ.

Anh Khương kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Khương.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, tuy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nhưng do cấp sơ thẩm có nhiều sai sót cần khắc phục nên cần sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ được chấp nhận, nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

Buộc anh Trần Duy Kh phải chịu án phí DSST là 10.000.000 đồng

4.2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Trần Duy Kh kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Duy Kh

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 07 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh

2. Căn cứ vào các Điều 131, 134, 142 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đối với anh Trần Duy Kh về tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản.

Hủy hợp đồng nhượng quyền khai thác mủ cao su ngày 04/6/2021 giữa ông Lê Trường H với anh Trần Duy Kh.

Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã nhận lại diện tích đất cao su là 520.500 m^2 gồm:

- 01 phần đất diện tích 251.700 m^2 (25,17 ha), lô N61, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 3 do Công ty Cổ phần cao su Tân Biên đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại: Ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh có tứ cận: hướng Đông giáp đường đất; hướng Tây giáp đất trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; hướng Nam giáp đường đất; hướng Bắc giáp đất trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên. Trên đất có trồng cây cao su, giống cây GT1, trồng năm 1993.

- 01 phần đất diện tích 268.800 m^2 (26,88 ha), lô N62, thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 3 do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại: Ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh có tứ cận: hướng Đông giáp đất trồng cây cao su của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; hướng Tây giáp đường đất; hướng Nam giáp đất của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; hướng Bắc giáp đất của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên. Trên đất có trồng cây cao su, giống cây PB235, trồng năm 1993.

Theo bản đồ địa chính mới thì 02 phần đất trên nằm trong tổng diện tích đất 268.556,5 m^2, thửa số 5, tờ bản đồ số 6 và 265.539,8 m^2, thửa số 7, tờ bản đồ số 6.

Buộc anh Trần Duy Kh có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Duy Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm ngàn đồng)theo biên lai thu tiền số 0006889 ngày 25-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Trần Duy Kh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã

nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007548 ngày 19-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Chi phí tố tụng: Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ tự nguyện chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Đã nộp xong)

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND. H.TC;
- Chi cục THADS. H.TC
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp